

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 69/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 6 - 2025

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Anh Dũng;

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Tạ Trung Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Văn Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 04 năm 2025 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Minh L**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số nhà B, ngõ B, khu phố P, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Số định danh cá nhân: 033095001485.

Bị đơn: Chị **Trịnh Thị H**, sinh năm 1996.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan (không rõ địa chỉ cụ thể).

Số định danh cá nhân: 034196008449.

(Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2025 và Bản tự khai của nguyên đơn anh Trần Minh L yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân với chị Trịnh Thị H và trình bày như sau:

Anh và chị Trịnh Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên vào ngày 09/12/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn, đến giữa năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có sự khác biệt trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi vã khiến cho cuộc sống chung trở nên ngột ngạt. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình, họ hàng và chính quyền địa phương hàn gắn nhưng đều không được. Đến nay, cảm thấy đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trịnh Thị H.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng anh, chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

*** Đối với bị đơn:** Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án cho chị Trịnh Thị H thông qua gia đình chị H, nhưng chị H không tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*** Ông Trịnh Văn H1, sinh năm 1962, địa chỉ: Thôn B, Xã B, huyện V, tỉnh Thái Bình (bố đẻ của chị Trịnh Thị H) trình bày:**

Về điều kiện kết hôn giữa chị H và anh L như anh L đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, chị H về nhà chồng sinh sống đến năm 2023 thì đi xuất khẩu tại Đài Loan. Giữa anh L và chị H phát sinh mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì ông không nắm được nhưng hai bên gia đình thường xuyên động viên, vun vén, hòa giải cho anh chị. Nay anh L khởi kiện xin ly hôn chị H, ông đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết. Anh L và chị H không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung.

Do chị H đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, ông không biết địa chỉ chính xác của chị H ở Đài Loan nhưng chị H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại và mạng xã hội. Ông đã thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chị H bao gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập, ... nhưng chị H không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị H. Ông đề nghị Tòa án tiếp tục gửi các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình giữa anh L và chị H cho ông để ông thông báo lại cho chị H.

*** Công văn số 588/PA08 ngày 05/6/2025 của Phòng Q - Công an tỉnh T**
cung cấp: Chị Trịnh Thị H xuất cảnh lần gần nhất ngày 24/6/2024, chưa có thông tin nhập cảnh vào Việt Nam.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho anh Trần Minh L ly hôn chị Trịnh Thị H. Về quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Anh L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án anh Trần Minh L xin ly hôn chị Trịnh Thị H theo thủ tục chung, anh L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn như cung cấp bản tự khai, cung cấp các chứng cứ chứng minh và có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn - chị Trịnh Thị H đã được Tòa án thông báo (thông qua thân nhân) các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Giấy triệu

tập, ... của Tòa án nhưng chị H không có mặt theo yêu cầu của Tòa án, không cung cấp bản tự khai và địa chỉ cụ thể tại Đài Loan của chị cho Tòa án. Như vậy, chị H đã cố tình giấu địa chỉ, từ chối trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho thân nhân của chị H và đã niêm yết công khai các văn bản đó tại chính quyền địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị H ở Việt Nam để đảm bảo quyền tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho chị H. Tuy nhiên, chị H vẫn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt anh Trần Minh L và chị Trịnh Thị H.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

[2.1] Quan hệ hôn nhân của Trần Minh L và chị Trịnh Thị H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên vào ngày 09/12/2022 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh L, chị H chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã nhau hàng ngày khiến cho cuộc sống chung trở nên ngột ngạt. Sau đó, chị H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, giữa vợ chồng không còn sự quan tâm, hỏi han đến nhau đến mức anh L phải làm đơn khởi kiện ly hôn. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh L mong muốn được ly hôn chị H. Thông qua thân nhân, chị H đã được thông báo việc anh L xin ly hôn chị nhưng chị H không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh L, không về Việt Nam để tham gia tố tụng tại Tòa án. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh L, xử cho anh L ly hôn chị H là phù hợp với quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh L, chị H không có con chung. Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Tòa án đã thông tin qua ông H1 (là bố đẻ chị H) hướng dẫn chị H trình bày quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện của anh L nhưng chị H không có lời khai, không có yêu cầu về tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có thể khởi kiện vụ án phân chia tài sản chung khi cần thiết.

[2.4] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Lộc phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 điểm b Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Điều 271; Điều 273; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Minh L được ly hôn chị Trịnh Thị H.

[2] Về quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết.

[3] Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Trần Minh L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh L đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0000005 ngày 14 tháng 5 năm 2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Anh Trần Minh L có quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án; chị Trịnh Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thúy Hoàn